

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo
và hộ có thu nhập tối đa bằng 150% của hộ nghèo năm 2012
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có thu nhập tối đa bằng 150% của hộ nghèo năm 2012 trên địa bàn tỉnh Bình Định (có bảng tổng hợp kết quả điều tra, rà soát kèm theo).

Điều 2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có thu nhập tối đa bằng 150% của hộ nghèo phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế, xã hội khác năm 2013.

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thành viên Ban chỉ đạo Giảm nghèo và thực hiện Nghị quyết 30a tỉnh Bình Định; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - TB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K16.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Thu Hà

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO VÀ HỘ CÓ THU NHẬP TỐI ĐA BẰNG 150% HỘ NGHÈO NĂM 2012

(Ban hành kèm theo Quyết định số 302 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Số TT	Huyện, Thị xã, thành phố	HỘ NGHÈO NĂM 2011			Giảm tỷ lệ hộ nghèo so với năm 2011	Số hộ nghèo giảm so với năm 2011	Tổng số hộ dân cư (hộ)	KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT NĂM 2012								
		Tổng số hộ nghèo (hộ)	Số nhân khẩu nghèo (người)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)				HỘ NGHÈO			HỘ CẬN NGHÈO (Cận nghèo 130%)			HỘ CÓ THU NHẬP TỐI ĐA BẰNG 150% CỦA HỘ NGHÈO		
								Tổng số hộ nghèo (hộ)	Số nhân khẩu nghèo (người)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ cận nghèo (hộ)	Số nhân khẩu cận nghèo (người)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Quy Nhơn	2.332	7.432	3,57	0,83	527	65.827	1.805	5.754	2,74	623	2.201	0,95	280	1.130	0,43
2	Tuy Phước	3.541	9.323	7,18	1,26	603	49.623	2.938	7.874	5,92	1.318	4.249	2,66	264	1.063	0,53
3	An Nhơn	3.109	8.467	6,65	0,64	243	47.716	2.866	7.905	6,01	1.502	5.064	3,15	443	1.663	0,93
4	Phù Cát	7.595	19.762	15,76	2,14	891	49.237	6.704	17.485	13,62	2.781	10.713	5,65	899	3.898	1,83
5	Phù Mỹ	6.341	18.456	14,45	2,60	1.076	44.409	5.265	14.898	11,85	2.350	9.725	5,29	938	4.277	2,11
6	Hoài Nhơn	7.668	22.619	14,08	2,50	1.251	55.394	6.417	18.804	11,58	4.780	18.936	8,63	1.995	8.818	3,60
7	Hoài Ân	4.424	13.201	18,27	2,66	514	25.034	3.910	11.346	15,61	1.408	5.914	5,62	635	2.849	2,47
8	Tây Sơn	5.391	13.568	15,35	2,62	876	35.477	4.515	11.394	12,73	1.893	6.202	5,34	787	3.262	2,22
9	Vân Canh	3.771	13.236	51,99	6,60	351	7.534	3.420	11.604	45,39	1.341	5.037	17,80	310	1.149	4,11
10	Vĩnh Thạnh	4.588	16.445	54,54	6,00	437	8.552	4.151	15.006	48,54	1.377	5.451	16,10	252	1.031	2,95
11	An Lão	4.123	16.847	58,23	4,47	62	7.554	4.061	15.910	53,76	953	4.487	12,61	180	810	2,38
	Tổng cộng	52.883	159.356	13,56	1,94	6.831	396.357	46.052	137.980	11,62	20.326	77.979	5,13	6.983	29.950	1,76